

THƠ CA CÁCH MẠNG VÔ SẢN
VIỆT NAM 1925-1945:
VỊ TRÍ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU

HÀ VINH

Sự xuất hiện và tồn tại của dòng thơ ca vô sản Việt Nam trước cách mạng tháng Tám 1945 vừa là yêu cầu khách quan của lịch sử vừa là những đòi hỏi tự thân của mỗi nhà thơ (là những chiến sĩ) và phong trào đấu tranh chung.

Nhìn lại chúng ta thấy có một thực tế là sự ra quân của dòng văn học vô sản những năm 25-45 khá rầm rộ. Tuy thế, sau một chặng đường dài mấy chục năm thì những nhà thơ đã trụ được để thực sự trở thành các tác gia của văn học Việt Nam hiện đại quả còn ít ỏi. Nhìn nhận dòng thơ ca vô sản Việt Nam tồn tại như một thực thể liên quan chặt chẽ và có tác dụng nhất định đến tiến trình phát triển văn học Việt Nam, người nghiên cứu cũng không thể nêu lên một cách vội vã những nhận xét hoặc kết luận nếu chỉ dựa vào những trực cảm ban đầu. Với một quan niệm như vậy chúng tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ là phải thu thập, xác minh văn bản và tiến hành những đối chiếu so sánh dòng thơ ca vô sản với những "hiện tượng" văn học đồng thời như *Thơ mới* hoặc những thơ yêu nước và cách mạng xuất hiện cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Những so sánh và hệ thống theo cả hai trục như vậy sẽ làm rõ hơn thực trạng và ý nghĩa của dòng văn thơ này.

Sự kiện thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và những cuộc nổi dậy chống Pháp cùng những thất bại của nhiều phong trào của các sĩ phu giàu tinh thần yêu nước cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 đã là một thực tế đặt ra đòi hỏi một dòng văn học chí sĩ. Dòng văn học này hiển nhiên là đã tiếp thu được những truyền thống yêu nước của văn học Việt Nam. Thời điểm lịch sử ấy quả thật đã thích hợp cho việc xuất hiện những tác phẩm chương giàu tâm huyết về nội dung tình cảm và gắn gũi quen thuộc với quần chúng, giọng điệu phổ biến. Đó là những văn thơ tựa như viết bằng máu và nước mắt của nhà thơ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu cũng như của đông đảo sĩ phu Việt Nam trong phong trào đấu tranh cứu Tổ quốc khỏi họa xâm lược. Cuộc đấu tranh không phải bao giờ cũng thắng. Nhưng ngay cả khi tạm thời thất bại; bị bắt, bị giam trong các nhà tù hoặc bị đưa ra xử trước các tòa án thực dân những con người này vẫn rõ khí tiết. Khí tiết ấy đã được gửi gắm trong thơ văn.

Đương thời thơ văn ấy đâu có được xuất hiện trên báo chí công khai, nhưng đã sống và âm vang qua các thời đại để truyền đến với chúng ta ngày nay; Như:

*... Chết quách đã đành không đất sạch
Sống về cũng chỉ một trời cầm
Thôi từ nay hóa làm thân cuộc
Ngậm máu đi về khóc cõi Nam.*

(HOÀNG TRỌNG MẬU)

hay:

*... Dứng giữa càn khôn thế chẳng rời
Việt Nam : văn vật tự bao đời
Vua dân chung dạ tinh sao hội
Tôi tớ bền lòng nhật nguyệt soi*

*Đất Việt dẫu không còn Bạch sĩ
Khí trung kia vẫn ngập bầu trời
Anh hùng sá kè còn thành bại
Sử sách ngàn thu chép rạch rời*

(TRẦN CAO VÂN)

Đó là thơ văn của một thời, của những con người đã dám lấy mạng sống của mình "trả thù nhà đền nợ nước", như là họ vẫn thường quan niệm. Xét theo nghĩa hiện đại thơ văn của các sĩ phu kiêu này dẫu đã là tuyệt hảo, toàn bích. Tuy vậy, do những điều kiện lịch sử và trong một tình hình phát triển phức tạp của văn chương Việt Nam ở đầu thế kỷ này, ngày nay bình tình nhìn lại chúng ta dễ dàng cảm thông với những nỗi nóng hay những thái quá bất cập và sẽ trân trọng ghi nhận trước hết đó là những áng văn có ích. Về một phương diện thì mặt tích cực này đã trực tiếp truyền vào dòng thơ ca đời trong phong trào cách mạng vô sản sau này.

Các phong trào yêu nước cứu nước như Văn thân, Cần vương, Đông du, Đông kinh nghĩa thực... đã từng ghi lại những dấu ấn khá đậm trong lịch sử dân tộc. Ảnh hưởng của nó đến các phong trào yêu nước và cách mạng đồng thời và kế tiếp là rất to lớn. Nền văn chương sinh ra từ các phong trào đó đã đạt được sự sâu sắc và hấp dẫn đáng kể trong trên tinh thần chung thì cũng vẫn chưa vượt khỏi khuôn khổ của một chủ nghĩa yêu nước kiêu cũ.

Quãng những năm 20 khi ánh sáng của tư tưởng cách mạng vô sản ở ngoài lọt chiếu vào Việt Nam thì cùng với sự xuất hiện của một số phong trào đấu tranh mang tính tiên phong (như chống đi phu, chống sưu cao thuế nặng...) là một dòng văn chương mới ra đời. Đó là dòng thơ ca vô sản. Cũng là tiếng nói xót thương trước tình cảnh Tổ quốc bị xâm lăng, dân tộc bị xúc phạm và nhân dân bị nô lệ nhưng thơ văn cách mạng vô sản đã vượt một bước dài hơn so với thơ văn của các sĩ phu. Thơ văn sĩ phu là đại biểu cho tư tưởng của bộ phận tác giả thuộc giới trí thức lớp trên luôn luôn canh cánh bởi nỗi cảm mắc nợ, ơn Nước lộc Vua còn bộ phận thơ văn sau ngày càng cố gắng để trở thành tiếng nói của quần chúng lao khổ và nhân dân đông đảo.

Trong bối cảnh lịch sử phức tạp đầu thế kỷ 20 bên cạnh những hồi quang của văn học chí sĩ trên văn đàn Việt Nam lúc này đại thể tồn tại hai bộ phận văn học khác. Một bộ phận cam tâm uốn lười để phục vụ cho "Nước Mệ". Bộ phận văn học còn lại, bằng cách này hay cách khác và ở những mức độ khác nhau đã tỏ thái độ phản kháng lại chính quyền thực dân đương thời và các chế định vô nhân đạo đang hoành hành. Bộ phận văn học thứ nhất chính là thứ *văn học nô dịch*, ngày nay không có gì đáng để chúng ta nói tới đương nhiên không chỉ là vì tính chất xu nịnh và làm tay sai mà còn vì một lẽ hiển nhiên khác là sự nghèo nàn tất yếu của nó. Bộ phận văn học sau phong phú hơn. Đồng thời vì sự phong phú bộ phận văn học này cũng đã bộc lộ tính chất phức tạp và đa dạng. Như tựu trung, ngày nay cái mà chúng ta nhận biết và đánh giá nó là dựa trên một chuẩn mực chung: *tinh thần yêu nước*. Tuy nhiên, mức độ và chất lượng biểu hiện của tinh thần này cũng khác nhau. Với ba xu hướng chính: lãng mạn, hiện thực phê phán và cách mạng tinh thần yêu nước hàm chứa trong đó hiện ra cũng thường không đồng đều. Do vậy, đôi khi nếu thiếu một tấm lòng thì dễ dàng bàng quan hay vô tình với nó. Cái mà sau này chúng ta đánh giá là tinh thần yêu nước có khi lại chỉ là sự phảng phất qua cái *tôi* cá nhân của người viết giữa một xã hội rấp tâm bóp nghẹt tự do thân thể và tư tưởng; là sự quay lưng lại với những thực tại xã hội mà trật tự đã bị áp đặt bởi chế độ thực dân nửa phong kiến. Tinh thần yêu nước ở đây có thể cũng chỉ là sự phôi bày và lên án những nết bất công, những sự áp bức, những điều lỗi lãng kệch cỡm của xã hội đương thời. Nhưng đến dòng thơ văn cách mạng thì mức độ đã mạnh mẽ hơn và vượt lên được để không chỉ là tiếng nói của một vài tâm trạng hay là những phản kháng lẻ loi mà nó đã là tiếng nói chung hướng thẳng vào mục đích chính yếu là kêu gọi, thức tỉnh những tầng lớp người bị áp bức trong một đất nước đang bị nô lệ. Mục đích của nó không có gì khác hơn là dẫn đến một cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc, mưu cầu dân chủ và hạnh phúc cho mỗi con người. Với mục đích thiết thực như vậy những bài thơ ca cách mạng đã sớm xâm nhập vào đông đảo quần chúng lao động. Ở đó nó đã được chế tác lại và lưu truyền tiếp tục. Với hình thức "sáng tác" và "xuất bản" như thể thơ ca cách mạng Việt Nam đã xuất hiện và tồn tại. Có thể tình hình này đã gây nên sự tự chọn lọc để chỉ giữ lại những gì là thiết thực và cần kíp. Ngày nay đọc lại chúng ta sẽ thấy thơ ca đó thậm chí không khí sôi động, gấp gáp. Với cái nhìn hiện thời, có lúc có nơi sự ưu ái chưa tương xứng với tính chất cao cả mà dòng văn học này đã có. Khuynh hướng đánh giá tác phẩm thiên về *chất văn* không phải là không có lý. Nhưng nếu lại lấy một số tiêu chí ở bộ phận văn chương này để vận dụng cho bộ phận văn chương khác thì lại là cách làm khi cường không thể chấp nhận. Do vậy, đòi hỏi phân tích đầy đủ chất lượng văn chương của tác phẩm là một lý lẽ nhưng cũng cần tính đến một lý lẽ khác. Lý lẽ đó là cái chất văn đã được xét trong mối tương quan nào (?) và theo những yêu cầu cụ thể nào (?). Do đó ngày nay khi nói về nghệ thuật thơ ca vô sản chúng ta làm sao có thể thoát ly nhiệm vụ mục tiêu mà dòng văn học ấy đã đặt ra và hướng tới. Có làm như vậy chúng ta mới phân tích và tiến tới đánh giá một cách thấu tình đạt lý. Đây cũng là cách nhìn nhận mở những khả năng tránh các lý giải siêu hình, khiên cưỡng. Cách nghiên cứu ấy đòi hỏi cần động đặt các văn phẩm trong các mối tương tác giữa yêu cầu khách quan của hoàn cảnh lịch sử đối với văn phẩm và khả năng người sáng tác. Những chiến sĩ cách mạng của chúng ta là tác giả của những thơ ca đó lại cũng là những trí thức, những học sinh, sĩ

n. . . Thực tế ấy khiến chúng ta khỏi phải nghi ngờ về vốn hiểu biết, về cảm quan nghệ thuật, về khả năng thấu tóm những tinh hoa của các dòng thơ ca dân tộc. Do vậy mà thơ ca vô sản Việt Nam 1925-1945 chúng ta không thể không nhận thấy một điều ra như là một nghịch lý: những nhà trí thức "thâm hậu", những nhà nho học "có hạng" từng viết những câu thơ khá bình dị dân giả chứ không phải là thứ văn thơ đầy ấp n tích rút từ kinh sử quá quen thuộc với các nhà khoa bảng.

Trong thơ ca ấy chúng ta sẽ gặp những dòng khá là nôm na như thế này: ⁽¹⁾

"Em là con gái nhà nghèo

Ngô khoai rau cháo, buổi chiều chả có buổi mai. . ."

hoặc:

"Em bước chân trên con đường đá sỏi

Trên vai em gánh mồi, dưới chân đi chới

Cả ngày được có mấy xu. . ."

Có thể nào những câu trên lại là của một vị tú tài nho học được chăng? Nhưng đó là điều đã từng xảy ra; mà lại không phải chỉ một lần trong văn thơ. Những ông tú, cụ lễ và nhiều trí thức học giả đã dấn hy sinh chẳng những sự vinh thân phì gia mà cả h mạng của mình để dẫn thân trên con đường cách mạng cứu nước cứu dân.

Những bài thơ, những câu văn được viết ra với văn phong mộc mạc như thế còn y khá phổ biến trong kho tàng thơ vô sản Việt Nam. Giờ đây nếu cứ xét nét thơ văn ấy o những tiêu chuẩn ít nhiều hình thức chủ nghĩa thì tránh sao khỏi đánh giá đó là yếu nghệ thuật. Nên chẳng đã đến lúc chúng ta cần định với nhau một cách hiểu một cách i thích thỏa đáng hơn. Nghĩa là phải thống nhất những tiêu chí cho việc đánh giá và in tích bộ phận thơ văn mang những tính chất đặc thù này. Sự giải thích có thể chấp in phải chẳng cần tìm ngay trong *mục đích* của tác phẩm và *ý đồ* làm văn của người g tác, của các tác giả.

Văn chương cách mạng bản thân nó đã lãnh một sứ mệnh là thức tỉnh và kêu gọi. Đó hơ văn *xuống đường* chứ không phải thơ văn ngâm ngợi, phẩm bình hay *cao đàm sát luận*. Mục tiêu của thơ văn này là kêu gọi và thức tỉnh quần chúng lao động. Mà in chúng ở đây không phải là ai khác ngoài những người còn chưa có nhiều chữ nghĩa. v thì cái *văn* thích hợp với họ phải là văn chương vừa thiết thực, mau mắn nói ra là u, một thứ văn chương hành động. Thêm nữa, thơ văn cách mạng là thơ văn được g tác ra bởi những con người vốn không có ý định lấy sự nghiệp văn chương để lưu h hậu thế mà chỉ cốt dùng văn chương như một phương tiện tập hợp quần chúng. Sự h dị này đã gặp và kết hợp được với những đặc trưng truyền thống của thơ ca dân ; Các thể thơ 5 chữ, 7 chữ, lục bát, hát nói . . . là những thể thơ dân tộc đã được vận ig và phát huy trong các áng thơ văn cách mạng. Dường như mỗi thời kỳ cách mạng, i phong trào và có khi ở mỗi nơi mỗi lúc các hình thức ấy đã được vận dụng không ig đều và phát huy tác dụng không hoàn toàn như nhau. Thời kỳ Mặt trận dân chủ, t trận Việt Minh, thời bước vào Tổng khởi nghĩa . . . mỗi thời tùy theo thực tế mà

chúng ta thấy sự vận dụng các thể loại văn chương một cách linh hoạt và hữu hiệu. Vậy, điều chúng ta thấy rõ nhất là hầu như lúc nào những hình thức thơ ca dân tộc đã được tận dụng, và vẫn còn đó những âm vang hào hùng của nó trong dòng thơ cách mạng. Đó là một bằng chứng về sự khởi sắc và thành đạt của dòng thơ cách mạng khi các hình thức truyền thống được hội tụ và phát triển trong nó. Đương nhiên không phải điều ấy diễn ra đồng đều ở mọi tác giả và mọi tác phẩm . . . Nhưng, thực tế là mỗi tác giả cũng như mỗi phong trào đã cho những kinh nghiệm cần thiết. Ngày nay sau bao nỗ lực sàng lọc, những tác phẩm còn lại đáng được xem xét như là những đóng góp vào sự phát triển của văn học Việt Nam không hẳn chỉ là về mặt tư tưởng.

Nghiên cứu văn học cách mạng vô sản chúng ta không thể bỏ qua một thực tế là nhiều tác giả sau một thời gian viết ra được một số lượng văn thơ khá lớn, dường như không vượt qua những ranh giới của chính bản thân và của cả phong trào trong khi một số tác giả đã vượt được. Đó là những vấn đề đang còn đòi hỏi phải lý giải. Hư mờ ra cho chúng ta là nếu nghiên cứu đầy đủ những nguyên nhân khách quan, chủ quan những khả năng và hiện thực của sự vượt lên để trở thành những tác gia có vị trí trên nền văn học Việt Nam hiện đại như Tố Hữu, Trần Mai Ninh, Thôi Hữu . . . chắc sẽ giúp chúng ta sự giải thích đúng đắn về sự hình thành và kinh nghiệm xây dựng nền văn học mới.

Nếu nói đến những tác giả văn học cách mạng xuất hiện từ những năm 20 và 30 huy lên trong suốt thế kỷ 20 này thì chúng ta không thể không kể những tên tuổi như Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh; Tố Hữu . . . Với những tác giả như thế điều phải làm là đặt họ vào trong khuôn khổ của cả dòng văn học này để thấy rõ sự vượt lên mình và phong trào của mỗi người. Đây không chỉ là lý giải mà cần tổng kết và tốt hơn là cần đưa ra một số điều kiện cần và đủ nào đó để khẳng định sự trưởng thành của một tác giả văn học. Đây cũng là phương hướng chúng tôi tự đặt cho mình khi nghiên cứu phong trào thơ ca cách mạng nói riêng và nền văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

12.1990

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Thơ của Lê Mạnh Trinh (1896-1983) đỗ tú tài Hán học. Ông còn có tên khác là Lê Tiến. Tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội 1926.*